

# DCP1000 SSD

[kingston.com/ssd](http://kingston.com/ssd)

## Hiệu năng cực đỉnh cho trung tâm dữ liệu.

Ổ cứng thể rắn DCP1000 có hiệu năng lên đến 1,25 triệu IOPS từ một thiết bị duy nhất với độ trễ giao tác cực thấp và lưu lượng lớn, khiến nó trở nên lý tưởng cho các trung tâm dữ liệu đòi hỏi hiệu năng cực lớn. Ổ trang bị NVMe PCIe Gen 3.0 x8 siêu nhanh có tốc độ lên đến 7GB/giây và chức năng pFail dựa trên phần cứng. DCP1000 có tô pô ổ linh hoạt và hỗ trợ chức năng RAID phần mềm linh hoạt để tiết kiệm chi phí phần cứng dư thừa. Ổ hỗ trợ từ 800GB đến 3.2TB<sup>1</sup> từ một thẻ HHL duy nhất và có thể được tối ưu hóa để đạt hiệu năng và mức độ dư thừa, và một thẻ duy nhất có thể được cấu hình cho RAID qua phần mềm chủ.

Triển khai ổ rất nhanh và tiết kiệm, sử dụng trình điều khiển NVMe có sẵn được thiết kế đặc thù cho SSD gắn vào cổng PCIe và ổ có thể cắm và chạy trên hầu hết các hệ điều hành chính. Ổ hỗ trợ khởi động UEFI và kiến trúc kinh phí thấp.

Ngoài thiết kế tự hóa pFail tiêu chuẩn, các tính năng cấp doanh nghiệp của DCP1000 còn bao gồm bảo vệ dữ liệu ECC thế hệ tiếp theo và bảo vệ đường dẫn dữ liệu từ đầu cuối đến đầu cuối.



[Lật trang để xem thông tin kỹ thuật >>](#)

- > Hiệu năng cực đỉnh cho trung tâm dữ liệu
- > Tô pô ổ linh hoạt
- > Triển khai nhanh chóng và tiết kiệm
- > Các tính năng của SSD cấp doanh nghiệp

# DCP1000 SSD

## TÍNH NĂNG/ƯU ĐIỂM

- > **Hiệu năng SSD cực lớn cho trung tâm dữ liệu** — DCP1000 trang bị PCIe Gen 3.0 x8 siêu nhanh, khiến nó trở nên lý tưởng trong các trung tâm dữ liệu đòi hỏi hiệu năng cực lớn.
- > **Hiệu năng vượt trội các kiến trúc cũ** — DCP1000 có hiệu năng ấn tượng với độ trễ giao dịch cực thấp.
- > **Dung lượng cao** — Với dung lượng lên đến 3,2TB<sup>1</sup>, DCP1000 là một ổ cứng thể rắn NVMe dung lượng cao.
- > **Bảo vệ khi mất điện** — DCP1000 có tính năng bảo vệ khi mất điện cấp doanh nghiệp để tối đa hóa thời gian hoạt động.

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT

- > **Kích cỡ** PCIe nửa chiều cao nửa độ dài (AIC)
- > **Giao tiếp** Non-Volatile Memory Express (NVMe™) PCIe Gen3 x 8 làn
- > **Dung lượngs<sup>1</sup>** 800GB, 1,6TB, 3,2TB
- > **Đọc/Ghi Tuân tự<sup>2</sup>**
  - 800GB – 6.800 / 5.000MB/giây
  - 1,6TB – 6.800 / 6.000MB/giây
  - 3,2TB – 6.800 / 6.000MB/giây
- > **Đọc/Ghi 4k Ngẫu nhiên trạng thái ổn định<sup>2</sup>**
  - 800GB – 900.000 / 145.000 IOPS
  - 1,6TB – 1.100.000 / 200.000 IOPS
  - 3,2TB – 1.000.000 / 180.000 IOPS
- > **Độ trễ (điển hình) đọc/ghi** 100us / 30us<sup>3</sup>
- > **Độ bền: Terabyte được ghi (toàn bộ ổ)<sup>4</sup>**
  - 800GB – 884TB<sup>5</sup>
  - 1,6TB – 1820TB<sup>5</sup>
  - 3,2TB – 3332TB<sup>5</sup>
- > **Độ bền: Terabyte được ghi**
  - 200GB – 187TB<sup>5</sup>
  - 400GB – 375TB<sup>5</sup>
  - 800GB – 697TB<sup>5</sup>
- > **Các công cụ SMART doanh nghiệp** theo dõi độ tin cậy, thống kê sử dụng, tuổi thọ còn lại, cân bằng hao mòn, nhiệt độ
- > **Tiêu thụ điện năng** 35W (hoạt động)
- > **Nhiệt độ bảo quản** -40°C~85°C
- > **Nhiệt độ hoạt động** 0°C~70°C
- > **Luồng khí khuyến nghị** 35°C ở mức 500LFM hoặc 40°C ở mức 600LFM
- > **Kích thước** 168mm x 69mm x 18mm (không tính giá lắp đặt)
- > **Trọng lượng** 209g
- > **Độ rung hoạt động** 2,17G tối đa (7–800Hz)
- > **Độ rung không hoạt động** 20G tối đa (10–2000Hz)
- > **Bảo vệ khi mất điện** có
- > **MTBF** 2 triệu giờ
- > **Bảo hành/hỗ trợ<sup>6</sup>** bảo hành giới hạn 5 năm với hỗ trợ kỹ thuật miễn phí
- > **Môi trường vận hành**  
Windows 8.1, Windows 10, Windows Server 2012 R2, Windows 7 và Windows Server 2008 R2 thông qua các bản cập nhật hoặc trình điều khiển Hotfix, Linux Kernel 3.3 và cao hơn, FreeBSD 10.x/11, VMWare vSphere 6.0 (vSphere 5.5 dưới dạng trình điều khiển tải xuống)



## MÃ SẢN PHẨM

SEDC1000H/800G	800GB
SEDC1000H/1600G	1,6TB
SEDC1000H/3200G	3,2TB

- Một phần dung lượng của thiết bị lưu trữ Flash được dành cho việc định dạng và các chức năng khác và vì thế không dành cho việc lưu trữ dữ liệu. Do đó, dung lượng thực của thiết bị luôn nhỏ hơn mức công bố trên sản phẩm. Để biết thêm thông tin, truy cập Hướng dẫn về bộ nhớ Flash của Kingston tại [kingston.com/flashguide](http://kingston.com/flashguide).
- Hiệu năng khác nhau theo dung lượng. Hiệu năng kết hợp được đo trên (4) ổ vật lý. Dựa trên kiểm tra nội bộ của Kingston sử dụng SNIA Solid State Storage Test Specification Enterprise v1.1.
- Độ trễ trung bình được đo sử dụng FIO v2.15, 4KB I/O ngẫu nhiên với độ sâu chờ 1.
- Tổng độ bền của (4) ổ vật lý.
- Tổng số byte được ghi (TBW) được rút ra từ JEDEC Client Workload (JESD219A).
- Bảo hành giới hạn trong thời gian 5 năm hoặc dựa trên "Tuổi thọ còn lại" của SSD, thông số này có thể tìm được bằng cách sử dụng Kingston SSD Manager ([kingston.com/SSDManager](http://kingston.com/SSDManager)). Một sản phẩm mới và chưa sử dụng sẽ có giá trị thể hiện độ hao mòn là một trăm (100) trong khi một sản phẩm đã đạt đến giới hạn độ bền của chu kỳ ghi xóa sẽ có giá trị thể hiện độ hao mòn là một (1). Nếu việc sử dụng một hoặc nhiều hơn trong số bốn (4) ổ SSD M.2 riêng biệt tạo nên DCP1000 có giá trị hao mòn là (1) thì sản phẩm không còn được bảo hành. 1). Xem [kingston.com/vn/company/warranty](http://kingston.com/vn/company/warranty) để biết thêm chi tiết.



TÀI LIỆU NÀY CÓ THỂ THAY ĐỔI MÀ KHÔNG CẦN THÔNG BÁO.

©2017 Kingston Technology Far East Co. Ltd (Asia Headquarters) No. 1-5, Li-Hsin Rd. 1, Science Park, Hsin Chu, Taiwan. Mọi quyền được bảo lưu. Các nhãn hiệu thương mại đã đăng ký và các nhãn hiệu thương mại là tài sản của các chủ sở hữu tương ứng. MKD-359.1 VN

**Kingston**  
TECHNOLOGY